

THỰC HIỆN AN SINH XÃ HỘI Ở TỈNH BẾN TRE (2010 - 2019)

TS NGUYỄN TÔN PHƯƠNG DU

Học viện Chính trị khu vực II

ThS NGUYỄN THỊ THÙY GIAO

Trường Chính trị tỉnh Bến Tre

Nhận thức rõ vai trò quan trọng của việc thực hiện an sinh xã hội, từ năm 2010, tỉnh Bến Tre chủ trương gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa và an sinh xã hội nhằm tạo ra nhiều nguồn lực để xây dựng xã hội hài hòa, phát triển bền vững và nâng cao đời sống người dân. Gần 9 năm thực hiện an sinh xã hội, Bến Tre đạt nhiều thành tựu quan trọng trên nhiều lĩnh vực, góp phần quan trọng vào mục tiêu xây dựng tỉnh phát triển bền vững, ngày càng giàu đẹp, văn minh.

Từ khóa: Tỉnh Bến Tre; an sinh xã hội

1. Chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Bến Tre

Bước vào thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH, tỉnh Bến Tre chủ trương “phát triển kinh tế-xã hội bền vững; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân”¹, “gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa và an sinh xã hội”². Cụ thể hóa chủ trương của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX (2010) về an sinh xã hội (ASXH), ngày 14-8-2012, Tỉnh ủy Bến Tre ban hành Chương trình hành động số 16-Ctr/TU về “Một số vấn đề về chính sách an sinh xã hội giai đoạn 2012-2020” bổ sung một số mục tiêu: “Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 50%, đào tạo nghề đạt 25%, hộ nghèo giảm bình quân từ 1,5%-2%/năm; 70% có bảo hiểm y tế, hỗ trợ hộ cận nghèo 90% mức đóng bảo hiểm y tế; 95% trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân 12%; giải quyết nhà ở cho 6.341 hộ nghèo; 96% dân cư đô thị và 90% dân cư nông thôn sử

dụng nước hợp vệ sinh; đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi”³. Theo đó, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 850/KH-UBND, ngày 1-3-2013, “Về việc thực hiện Chương trình hành động số 16-Ctr/TU của Tỉnh ủy về “Một số vấn đề về chính sách ASXH giai đoạn 2012-2020”; Kế hoạch số 1928/KH-UBND, ngày 5-5-2014, “Về triển khai thực hiện Chương trình hành động số 16-Ctr/TU của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa XI “Một số vấn đề về chính sách an sinh xã hội” năm 2014”; Kế hoạch số 2668/KH-UBND, ngày 2-6-2015, “Về việc nâng cao tỷ lệ bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Bến Tre năm 2015”; Kế hoạch số 5118/KH-UBND, ngày 5-10-2015, “Về điều tra lập danh sách hộ gia đình tham gia bảo hiểm y tế”;...

Đến năm 2015, Đại hội Đảng bộ tỉnh Bến Tre lần thứ X tiếp tục xác định: “Đảm bảo an sinh xã

hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân”⁴ và đề ra các giải pháp “triển khai và vận dụng các chính sách phù hợp với thực tiễn để giải quyết hài hòa các mối quan hệ xã hội..., gắn kết chặt chẽ chính sách kinh tế với chính sách xã hội, phát triển kinh tế với nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân; triển khai tốt công tác giảm nghèo theo hướng đa tiếp cận đa chiều; thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công”⁵. Thực hiện chủ trương của Đại hội Đảng bộ, Tỉnh ủy Bến Tre ban hành Chi thị số 02-CT/TU, ngày 18-11-2015, “Về việc tăng cường công tác chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Bến Tre”; Chi thị số 22-CT/TU, ngày 6-12-2018, “Về đẩy mạnh công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng”.

Cụ thể hóa chủ trương của Đảng bộ tỉnh, UBND, HĐND tỉnh ban hành các văn bản triển khai thực hiện ASXH, tiêu biểu như: Kế hoạch số 5250/KH-UBND, ngày 5-10-2016, “Về xã hội hóa đầu tư các lĩnh vực văn hóa, xã hội, an sinh xã hội giai đoạn 2016-2020”; Kế hoạch số 5777/KH-UBND, ngày 12-12-2017, “Về Thực hiện Đề án “Xây dựng dữ liệu cơ sở quốc gia về an sinh xã hội, ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết chính sách an sinh xã hội đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Bến Tre”; Nghị quyết số 29/2017/NQ-HĐND, ngày 5-12-2017, “Về quy định mức hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo tại 30 xã đặc biệt khó khăn giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Bến Tre”; Nghị quyết số 20/2018/NQ-HĐND, ngày 7-12-2018, “Về quy định mức hỗ trợ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn tỉnh Bến Tre”;...

Ngoài ra, để thực hiện tốt các chủ trương về ASXH, tỉnh Bến Tre đã thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện chính sách xã hội⁶. Ban Chỉ đạo giúp

UBND tỉnh xây dựng chính sách, chương trình, kế hoạch; tổ chức tuyên truyền, phổ biến, vận động nhân dân thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về chính sách xã hội; đôn đốc, kiểm tra và đánh giá tổng hợp hoạt động của các sở, ngành, địa phương trong việc triển khai thực hiện chính sách xã hội.

2. Kết quả và một số kinh nghiệm

Sự chỉ đạo của Đảng bộ, UBND tỉnh Bến Tre, cùng với sự tham gia tích cực của các tầng lớp nhân dân đã xuất hiện ngày càng nhiều phong trào thực hiện tốt ASXH⁷, việc thực hiện ASXH của tỉnh đạt nhiều kết quả, thể hiện qua một số lĩnh vực:

Một là, quy mô và mạng lưới trường, lớp các ngành học, cấp học phát triển rộng khắp, chất lượng giáo dục toàn diện, giáo dục mũi nhọn được duy trì và nâng lên. Đến cuối năm 2018, Bến Tre có 201 trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia (42 trường mầm non, 87 trường tiểu học, 61 trường trung học cơ sở, 11 trường trung học phổ thông)⁸. Đến tháng 7-2019, tỷ lệ học sinh học đúng độ tuổi với cấp tiểu học là 99,9%, trung học cơ sở là 96,7%, trung học phổ thông là 94%; tỷ lệ sinh viên trên 1 vạn dân đạt 236 người; tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi 15 tuổi trở lên đạt 99,2%⁹.

Hai là, đào tạo nghề, tư vấn, giới thiệu việc làm, xuất khẩu lao động được mở rộng, kết nối với các đơn vị có nhu cầu tuyển dụng. Trong đó, đào tạo nghề được thực hiện khá tốt, chất lượng đào tạo từng bước nâng lên. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 44,50% (2012)¹⁰, 57,20% (7-2019)¹¹. Từ năm 2012-2019, tỉnh tổ chức dạy nghề cho 83.417 người¹², tư vấn việc làm, giới thiệu nghề nghiệp cho 306.829 lượt người; giải quyết việc làm cho 174.318 lao động (bình quân mỗi năm giải quyết việc làm cho khoảng 20.000 lao động)¹³. Tỷ lệ lao động thất nghiệp ở thành thị giảm dần

qua các năm: năm 2010 là 3,61%; năm 2015 là 3,42%; đến tháng 7-2019 còn 3,36%¹⁴.

Ba là, công tác đền ơn đáp nghĩa, thực hiện chính sách đối với người có công được chú trọng. Từ năm 2012-2019, tính chi trả trợ cấp người có công với tổng kinh phí 3.525 tỷ đồng, chi trợ cấp một lần cho 344.809 đối tượng người có công và thân nhân người có công với tổng kinh phí trên 491 tỷ đồng. Bình quân hằng năm, thăm, tặng quà trên 90.000 suất cho gia đình chính sách với tổng kinh phí là 14,9 tỷ đồng¹⁵. Tỉnh đã quy tập được 139 hài cốt liệt sĩ, di chuyển 47 hài cốt theo nguyện vọng của thân nhân liệt sĩ¹⁶.

Bốn là, công tác giảm nghèo, giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ vay vốn ưu đãi, miễn giảm học phí, viện phí, mua bảo hiểm y tế, trợ cấp khó khăn đột xuất do bệnh tật,... có nhiều chuyển biến tích cực. Tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh giảm từ 9% (2010) xuống còn 6,08% (7-2019)¹⁷. Từ năm 2012-2019, Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh đã giải ngân cho 190.097 lượt hộ nghèo vay vốn với tổng kinh phí là 619.994.807 tỷ đồng¹⁸; hỗ trợ 6.858 căn nhà tình thương cho các hộ nghèo (tổng kinh phí gần 200 tỷ đồng); hỗ trợ điện cho 252.612 hộ (tổng kinh phí 80 tỷ đồng); hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo với tổng kinh phí 89.616 tỷ đồng, duy tu bảo dưỡng các công trình với kinh phí 6.839 tỷ đồng¹⁹. Đến tháng 7-2019, toàn tỉnh có 28 cơ sở bảo trợ xã hội, nuôi dưỡng 968 trường hợp, trợ cấp xã hội trên 350.000 lượt với tổng kinh phí 1.200 tỷ đồng²⁰; miễn giảm học phí cho con em các hộ nghèo là 312.985.000 lượt (tổng chi phí trên 170 tỷ đồng) và hỗ trợ mua bảo hiểm y tế là 1.008 tỷ đồng²¹.

Năm là, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm y tế được chú trọng. Đến tháng 7-2019, tổng số người tham gia bảo hiểm xã hội là 100.227 người, chiếm 12,55% (tăng 55,5% so với

năm 2012); bảo hiểm thất nghiệp là 85.117 người, chiếm 10,65% (tăng 65,7% so với năm 2012); bảo hiểm y tế là 1.155.729 người, chiếm 91,24% (tăng 66,04% so với năm 2012)²².

Sáu là, các loại hình dịch vụ y tế đa dạng, đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân; chất lượng khám và điều trị nâng lên, giảm tỷ lệ tử vong, chuyển tuyến. Đến tháng 5-2019, toàn tỉnh có 195 cơ sở y tế (12 cơ sở y tế tuyến tỉnh, 18 cơ sở y tế huyện, thành phố, 164 cơ sở y tế xã, phường, thị trấn, 1 cơ sở y tế tư nhân)²³. Năm 2015 có 25,1 giường bệnh/vạn dân; 7,15 bác sĩ/vạn dân²⁴, đến tháng 5-2019 có 29,02 giường bệnh; 8,48 bác sĩ/vạn dân²⁵. Tỷ lệ trẻ em tiêm chủng dưới 1 tuổi đạt 95,2% (7-2019)²⁶. Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm từ 14% (2010)²⁷ xuống còn 10,2% (7-2019)²⁸. Đến tháng 7-2019, tỷ lệ phụ nữ mang thai được tiêm phòng uốn ván đạt 100%; tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi là 1,67‰, dưới 5 tuổi là 2,31‰²⁹; số trẻ tử vong là 30 ca (giảm 0,01% so với năm 2018)³⁰.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, thực hiện ASXH ở tỉnh Bến Tre cũng còn một số hạn chế. Từ nguyên nhân của thành tựu và hạn chế trong thực hiện ASXH tại tỉnh Bến Tre, có thể đúc rút một số kinh nghiệm cụ thể: *Một là*, nêu cao vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh nhằm tập trung các nguồn lực thực hiện tốt chính sách ASXH; xác định việc bảo đảm ASXH và phúc lợi xã hội là một nhiệm vụ chủ yếu, thường xuyên, góp phần thúc đẩy hoàn thành các chỉ tiêu phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh. Các chương trình phát triển kinh tế-xã hội cần kết hợp chặt chẽ với chương trình ASXH. *Hai là*, nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận, thống nhất trong hành động của các cấp ủy đảng, chính quyền, ban, ngành, đoàn thể và toàn dân thông qua việc đẩy mạnh, đa dạng hóa hình thức thông tin, tuyên truyền. Xác định vai trò của đội ngũ cán bộ, đảng viên và các tầng

lớp nhân dân trong công tác thực hiện công tác ASXH. *Ba là*, thực hiện đa dạng hóa hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo từng bước, tiến tới bảo hiểm xã hội toàn dân; nâng cao thu nhập, bảo đảm cuộc sống an toàn, bình đẳng và hạnh phúc cho người dân; thực hiện tốt chính sách hỗ trợ giảm nghèo theo hướng tiếp cận nghèo đa chiều, hỗ trợ có điều kiện và cung cấp các dịch vụ xã hội ở mức tối thiểu, khuyến khích người nghèo tích cực lao động, thoát nghèo và vươn lên làm giàu. *Bốn là*, làm tốt công tác kiểm tra, giám sát quá trình tổ chức thực hiện, nhất là trong vận động, huy động đóng góp của xã hội. *Năm là*, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách thủ tục hành chính vào các hoạt động ASXH. Nâng cao ý thức trách nhiệm và chất lượng các dịch vụ ASXH nhằm phục vụ tốt cho nhân dân.

Từ năm 2010 đến năm 2019, công tác ASXH ở tỉnh Bến Tre đạt nhiều kết quả tích cực, góp phần phát triển kinh tế-xã hội. Những kinh nghiệm trong thực hiện chính sách ASXH thời gian qua tạo cơ sở quan trọng xây dựng tỉnh Bến Tre ngày càng giàu đẹp, văn minh.

1, 2, 26. Tỉnh ủy Tỉnh Bến Tre: *Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Bến Tre lần thứ IX*, 11-2010, tr. 11, 55, 39

3, 10. Tỉnh ủy Bến Tre: Chương trình hành động số 16-CT/TU, ngày 14-8-2012, “Về thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XI “Một số vấn đề về chính sách an sinh xã hội giai đoạn 2012-2020”, tr. 3-7, 7

4, 5, 24. Tỉnh ủy Tỉnh Bến Tre: *Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Bến Tre lần thứ X*, 10-2015, tr. 39, 51, 19

6. Ban Chỉ đạo gồm 14 thành viên; Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban

7. Nổi bật có phong trào “Đồng khởi khởi nghiệp làm giàu, thoát nghèo”; phong trào “Xóa đói giảm nghèo, vượt khó làm giàu trên các mũi nhọn kinh tế”; phong trào Nhà nước và nhân dân cùng làm trong phát triển giao thông nông thôn, xây dựng nông thôn mới; phong trào đền ơn đáp nghĩa, xóa đói, giảm nghèo; phong trào xây dựng nhà tình thương, tình nghĩa cho gia đình chính sách, hộ nghèo;... Các mô hình tiên tiến cũng ra đời như: mô hình 5+1 giúp nhau vươn lên khá giàu; mô hình “Áp, khu phố sáng-xanh-sạch-đẹp-an toàn-nghĩa tình” của Hội Cựu chiến binh tỉnh; mô hình đạt giá trị sản xuất 50, 60, 70 triệu đồng/ha; mô hình “Vườn xanh-sạch-đẹp”; mô hình “Trồng một cây, nuôi một con gà quỹ ủng hộ hội viên nghèo” của Hội Nông dân tỉnh; mô hình câu lạc bộ “5 không, 3 sạch”, “Giúp nhau phát triển kinh tế gia đình”, “Hũ gạo tình thương”, “Heo đất, quả dừa tiết kiệm”, “Ao cá tình thương”,... của Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh; mô hình “Mái ấm cho người nghèo nơi biên giới, hải đảo” của Bộ đội biên phòng tỉnh; “Cuộc vận động phụng dưỡng Quý mẹ Việt Nam anh hùng tỉnh Bến Tre” của Liên đoàn lao động tỉnh; mô hình chăn nuôi bò sinh sản (huyện Ba Tri); mô hình sản xuất cây giống, hoa kiểng, cây ăn trái (huyện Chợ Lách); mô hình “Tư vấn và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi dựa vào cộng đồng” (xã Sơn Định, huyện Chợ Lách),...

8. Xem UBND tỉnh Bến Tre: Kế hoạch số 1356/KH-UBND, ngày 26-3-2019, “Kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2019-2020 và đến năm 2025”, tr. 1

9, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 27, 28, 29. Xem UBND tỉnh Bến Tre: Báo cáo số 249/BC-UBND, ngày 4-7-2019, về “Kết quả thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XI một số vấn đề chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020”, tr. 14, 7, 7, 7, 6-7, 6, 8, 9, 9, 9-10, 9, 12, 15, 15, 15

23, 25, 30. Xem Sở Y tế Bến Tre: Báo cáo số 1191/BC-SYT, ngày 6-5-2019, “Báo cáo sơ kết công tác y tế 6 tháng đầu năm 2019”, tr. 1, 1, 10.